TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2023
V/v "Tranh chấp về xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiên
Ông Huỳnh Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23/12/2022 về "Tranh chấp về xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **N**, Sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Anh **W**, Sinh năm 1975
Địa chỉ: Số S, lộ D, Khóm B, phường V, thị trấn C, huyện H, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022 của nguyên đơn chị N trình bày:

Chị N và anh W tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2016, được Ủy ban nhân dân huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26. Trong thời gian tồn tại hôn nhân, chị có sinh 01 người con gái nên về mặt pháp lý thì chị đăng ký khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân huyện Ô có họ và tên là D, sinh ngày 10/8/2016, mang tên người mẹ là N và tên người cha là W. Tuy nhiên, khi thực hiện thủ tục cho D sang Đài Loan định cư thì có tiến hành xét nghiệm AND và phát hiện D không có quan hệ huyết thống với anh W. Vì vậy, chị yêu cầu xác định anh W không phải là cha đẻ của D.

- Trong đơn xin xác nhận quan hệ huyết thống đề ngày 17/10/2022 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2023 của bị đơn anh W trình bày:

Ngày 17/10/2022, anh W có gửi văn bản ghi ý kiến của anh cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc yêu cầu xác định cháu D, sinh ngày 10/8/2016 không phải là con ruột của anh do không có quan hệ huyết thống theo kết quả giám định DNA. Do cách xa về mặt địa lý nên không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, anh làm đơn này đề nghị Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đối với anh theo thủ tục tố tụng của pháp luật Việt Nam cho đến khi kết thúc vụ kiện. Đồng thời, anh ủy quyền lại cho chị N, sinh năm 1996, ngụ tại địa chỉ ấp Đ, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long để nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể cả bản án đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp về xác nhận cha cho con theo yêu cầu của chị N và ý kiến của anh W đối với cháu D thì anh W là người nước ngoài có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) đang định cư tại Đài Loan, chị N và D là công dân Việt Nam nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 30/01/2022, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ngày 03/01/2023, anh W có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Trong Giấy khai sinh số 10/2016, đăng ký ngày 22/8/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long thể hiện cấp cho D, sinh ngày 10/8/2016, có họ tên mẹ N, sinh năm 1996 và họ tên cha W, sinh năm 1975. Do thời điểm này còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị N và anh W.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24/9/2022 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền – Chi nhánh phía Nam tiến hành phân tích các mẫu AND của anh W, sinh ngày 09/12/1975 và cháu D, sinh ngày 10/8/2016 xác định: Hai người không có quan hệ huyết thống cha – con.

Như vậy, theo yêu cầu của chị N xác định anh W, sinh ngày 09/12/1975; dân tộc: Hán; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); nơi cư trú: Số S, lộ D, Khóm B, phường V, thị trấn C, huyện H, Đài Loan không phải là cha đẻ của cháu D, sinh ngày 10/8/2016; giới tính: Nữ;

dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của anh W.

Đối với Giấy khai sinh cháu D là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân khi được đăng ký khai sinh; nội dung Giấy khai sinh bao gồm các thông tin cơ bản về các nhân theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Luật Hộ tịch. Vì vậy, để thu hồi, hủy bỏ và điều chỉnh lại Giấy khai sinh này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì đây là thủ tục hành chính và thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước quy định theo Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn.

[3] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 88, 101, 102 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Xác định anh W, sinh ngày 09/12/1975; dân tộc: Hán; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); nơi cư trú: Số S, lộ D, Khóm B, phường V, thị trấn C, huyện H, Đài Loan không phải là cha đẻ của cháu D, sinh ngày 10/8/2016; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000332 ngày 20/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ. Anh W có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa